TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2020/ HNGĐ – ST.
Ngày:16 -7- 2020.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Thanh Phong.

2/ Bà Phan Thị Nhâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lài– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 85/2020/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020. Về: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST– HNGĐ ngày 11/6/2020; Quyết định Hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Võ Tấn T - Sinh năm 1983.

Bị đơn : Chị Nguyễn Thị Thu T – Sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 18/2/2020 và tại bản khai, nguyên đơn anh Võ Tấn Tấn trình bày: Anh có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu T. Anh với chị T cưới nhau vào năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Việc vợ chồng chung sống với nhau là do hai bên tự tìm hiểu, thời gian tìm hiểu hơn 01 năm thì cưới. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với gia đình anh tại thôn 2, xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Thời gian vợ chồng sống với

nhau được 14 năm, trong thời gian này thì cũng có những mâu thuẫn nhỏ xảy ra, vợ chồng cũng có lời qua tiếng lại nhưng vẫn sống hạnh phúc với nhau. Đến khoảng tháng 2/2017 không biết vì lý do gì chị T bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống. cho đến nay. Mặc dù anh đã đến gặp nói chuyện nhưng chị T không quay về nữa. Tính đến nay thời gian vợ chồng không sống chung với nhau là hơn 02 năm. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Hoàng T – sinh ngày 13/7/2004; Võ Tấn K – sinh ngày 03/11/2012. Hiện các con đang ở với anh T.

Khi ly hôn anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được quyền tiếp tục nuôi 02 con tên Võ Hoàng T – sinh ngày 13/7/2004; Võ Tấn K – sinh ngày 03/11/2012 và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nơi ở của chị T để tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng chị T cố tình lẫn tránh. Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định pháp luật, chị T vẫn không đến Tòa án, vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Anh Võ Tấn T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu T và yêu cầu giải quyết về con chung. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Chị Nguyễn Thị Thu T có hộ khẩu thường trú tại xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc. Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn chị T.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về Hôn nhân:* Anh T và chị T cưới nhau vào năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Đức, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Thời

gian vợ chồng anh chị chung sống với nhau được 14 năm, thì chị T bỏ về nhà mẹ ruột sống, thời gian này anh có đến bảo chị về và vợ chồng trở về chung sống với nhau được một thời gian ngắn, thì chị T lại tiếp tục bỏ đi từ tháng 5/2017 cho đến nay, trong thời gian này vợ chồng không có gặp nhau để bàn bạc vấn đền hàn gắn. Vợ chồng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu T, Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị T đến Tòa để hòa giải, nhưng chị T cố tình lẫn tránh, vắng mặt không có lý do, nên Tòa không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật được. Việc đó thể hiện ý thức xem thường pháp luật, không thiết tha gì đến hạnh phúc và hôn nhân của mình. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tình cảm giữa anh T và chị T không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cuộc sống chung được. Do vậy yêu cầu được ly hôn của anh T là có căn cứ, nên chấp nhận.

[2.2]*Về con chung:*

Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Hoàng T – sinh ngày 13/7/2004; Võ Tấn K – sinh ngày 03/11/2012. Hiện các con đang ở với anh T. Khi ly hôn anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được quyền tiếp tục nuôi 02 con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của anh T là hoàn toàn có căn cứ, vì từ trước đến nay hai cháu T và K vẫn ở với anh và theo nguyện vọng của hai cháu yêu cầu được tiếp tục ở với cha, nên việc anh T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi hai con là phù hợp, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Riêng về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do anh T không yêu cầu, nên không xem xét.

[2.3]*Về tài sản và nợ:* Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] *Về án phí:* Anh Võ Tấn T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chị Nguyễn Thị Thu T không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 70, 72

Khoản 4 Điều 91, Điều 146, Khoản 4 Điều 147, Điều 207, Khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên Xử:

1/ Về Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Võ Tấn T. Anh Võ Tấn T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu T.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung tên Võ Hoàng T – sinh ngày 13/7/2004; Võ Tấn K – sinh ngày 03/11/2012 cho anh Tấn được quyền tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh T không yêu cầu, nên không xem xét.

Chị Nguyễn Thị Thu T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, không ai được quyền cản trở.

3/ Về tài sản và nợ: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về án phí: Anh Võ Tấn T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh T đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005743 ngày 26/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, nên không phải nộp nữa.

Chị Nguyễn Thị Thu T không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm.

Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA